TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2017/ QĐST-HNGĐ	*G, ngày 14 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn L** sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm 12, xã G, huyện G, tỉnh N.

và Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm 12, xã G, huyện G, tỉnh N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn L** sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm 12, xã G, huyện G, tỉnh N.

và Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm 12, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T đều xác nhận anh chị có 02 con chung cháu lớn tên là Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 06/7/2009; cháu bé tên là Nguyễn Như Y sinh ngày 18/03/2015. Nay ly hôn hai bên thoả thuận giao hai cháu Nguyễn Bảo Q và Nguyễn Như Y cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là mỗi cháu là 750.000 đồng/ tháng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong tr□ờng hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung, vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn L phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/04067 ngày 23/8/2017.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự"

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trần Thị Phi